

Số:

Đồng Nai, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH của Quốc hội (có hiệu lực từ ngày 12/6/2025), tại khoản 17 Điều 1 quy định việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km², quy mô dân số là 4.491.408 người.”

Tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết tiếp tục nhấn mạnh: “Các cơ quan theo thẩm quyền khẩn trương thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết, bảo đảm để

chính quyền địa phương ở các tỉnh, thành phố hình thành sau sắp xếp chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.”

Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo thông tin từ Bộ Tài chính, Chính phủ dự kiến trình Quốc hội quyết định phân chia lại tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đối với tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập là 59% (địa phương được hưởng), áp dụng cho cả năm 2025.

Đồng thời, từ ngày 01/7/2025, ngân sách địa phương sẽ chuyển sang mô hình không còn cấp huyện, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc thay đổi tỷ lệ điều tiết ngân sách tỉnh Đồng Nai từ 50% lên 59% là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc phân cấp nguồn thu và phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp là yêu cầu cấp thiết, bảo đảm ngân sách tỉnh vận hành thông suốt, thống nhất và đúng quy định pháp luật trong điều kiện mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, mục tiêu và yêu cầu đã được xác định trong các kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Đảm bảo việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước được thực hiện theo lộ trình hợp lý, đồng bộ, không làm gián đoạn hoạt động quản lý, điều hành, duy trì tính liên tục trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cũng như các quy định của

Quốc hội và Chính phủ về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về quản lý, điều hành ngân sách địa phương.

Bảo đảm kịp thời điều chỉnh chính sách phân cấp nguồn thu, phân chia tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu giữa các cấp ngân sách phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và địa giới hành chính mới của tỉnh sau khi sáp nhập, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý tài chính - ngân sách trong năm 2025, giai đoạn 2023-2025.

Tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong việc phân bổ và điều hành ngân sách nhà nước ở địa phương; đồng thời đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

Kế thừa toàn bộ các nội dung quy định tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 **trên cơ sở chấp thuận của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.**

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có sự tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; các ý kiến được tổng hợp, tiếp thu nghiêm túc nhằm hoàn thiện nội dung dự thảo trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Căn cứ chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Quá trình xây dựng dự thảo được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ để hoàn chỉnh dự thảo.

Sau đó, hồ sơ dự thảo đã được gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định, đồng thời

hoàn chỉnh nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu quản lý ngân sách địa phương trong giai đoạn chuyển đổi.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh: Áp dụng trên địa bàn tỉnh và áp dụng từ ngày 01/01/2025.

Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến ngân sách nhà nước thuộc cấp tỉnh và cấp xã.

2. Bố cục gồm có 2 Điều

Điều 1. Quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

“Điều 4. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản tiền chậm nộp tương ứng:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

b) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách cấp xã hưởng 59%.

2. Thuế thu nhập cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách tỉnh hưởng 59%.

3. Thuế bảo vệ môi trường (bao gồm thu tiền chậm nộp), trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu: Ngân sách tỉnh hưởng 59%.

Riêng thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023 quy định: “Phân chia thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước đối với năm 2023 và ổn định cho giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở sản lượng xăng, dầu sản xuất, bán ra trong nước so với tổng sản lượng xăng, dầu tiêu thụ trên thị trường, cụ thể: 60% thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, 40% còn

lại thực hiện điều tiết 100% về ngân sách trung ương”. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Thu tiền sử dụng đất, bao gồm tiền chậm nộp:

a) Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% để chi đầu tư phát triển.

b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành): Ngân sách trung ương hưởng 100%.

c) Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

d) Đối tiền sử dụng đất nộp tương đương với giá trị quỹ đất 20% thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định: *“Đối với các trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại có quy mô dưới 10 ha, chủ đầu tư dự án đã được chấp thuận thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp bằng tiền trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chủ đầu tư chưa nộp tiền thì chủ đầu tư thực hiện nộp tiền tương đương với giá trị tiền sử dụng đất của phần 20% diện tích đất ở của dự án đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật tính theo quy định pháp luật về đất đai tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận cho phép chủ đầu tư được thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp bằng tiền”*. Trường hợp trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền chậm nộp thực hiện theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ và Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ):

a) Giấy phép do cơ quan trung ương cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%.

b) Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Khoản thu thuế tài nguyên và tiền chậm nộp (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

8. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước và tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

Riêng tiền cho thuê đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội): Ngân sách trung ương hưởng 100%.

Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp:

Cơ quan thuế quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Xã, phường quản lý thu: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Riêng tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

10. Thu lệ phí trước bạ: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Riêng lệ phí trước bạ nhà đất (bao gồm tiền chậm nộp): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 50%, ngân sách cấp xã hưởng 50%

11. Các loại phí, lệ phí (bao gồm tiền chậm nộp) do cơ quan cấp nào tổ chức thu thì cơ quan đó hưởng 100%. Riêng các trường hợp sau không thực hiện trích theo tỷ lệ trên, cụ thể:

a) Lệ phí môn bài: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

b) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

c) Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

13. Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

14. Thu khác ngân sách:

a) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; phạt, tịch thu khác: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

b) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

c) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

d) Các khoản thu còn lại: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100% (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng theo quy định).

15. Các khoản thu sự nghiệp; thu kết dư; thu chuyển nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng) thuộc ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó hưởng 100%.

16. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (do cấp xã là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)

17. Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết; thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%”.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực bảo đảm thi hành văn bản

Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết không phát sinh tăng biên chế. Do đó, việc triển khai thực hiện được bảo đảm thông qua nguồn lực hiện có tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

2. Điều kiện bảo đảm

Việc ban hành Nghị quyết là căn cứ pháp lý để kịp thời cập nhật, điều chỉnh trong hệ thống phần mềm quản lý ngân sách và kế toán nhà nước theo mô hình tổ chức chính quyền hai cấp;

3. Thời gian trình thông qua

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại Kỳ họp chuyên đề trong tháng 6 năm 2025 để kịp thời áp dụng trong điều hành ngân sách từ ngày 01/7/2025, phù hợp với thời điểm tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính quyền địa phương hai cấp theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước khu vực XV;
- Chi cục Thuế khu vực XV;
- Chi cục Hải quan khu vực XVIII;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Minh Dũng

Số: /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách năm 2025, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2025, giai đoạn 2023-2025 sau hợp nhất và thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp và chấp hành dự toán thu ngân sách nước thuộc cấp tỉnh và cấp xã

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách

Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao, phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã

hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

Phân chia tỷ lệ phần trăm đối với các khoản phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở đảm bảo cân bằng, cân đối giữa các địa phương.

Ngân sách cấp tỉnh tiếp tục giữ vai trò cân đối, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, đồng thời phải đảm bảo nguồn để hỗ trợ, bổ sung cho những địa phương có nguồn thu thấp.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Điểm d, Khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, trong thời kỳ ổn định ngân sách, đối với các khoản thu mà chưa được dự toán làm ngân sách cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên (cấp tỉnh).

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Việc xác định và xây dựng tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quy định của Quốc hội cho năm 2025, giai đoạn 2023-2025.

Điều 3. Phân công trong công tác quản lý

Tiếp tục thực hiện và vận dụng Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp; Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế và các văn bản khác có liên quan. Trong quá trình điều hành ngân sách thì thực hiện theo quy định của các văn bản tại thời điểm có hiệu lực hoặc thay thế.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản tiền chậm nộp tương ứng:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

b) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách cấp xã hưởng 59%.

2. Thuế thu nhập cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách tỉnh hưởng 59%.

3. Thuế bảo vệ môi trường (bao gồm thu tiền chậm nộp), trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu: Ngân sách tỉnh hưởng 59%.

Riêng thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023 quy định: “Phân chia thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước đối với năm 2023 và ổn định cho giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở sản lượng xăng, dầu sản xuất, bán ra trong nước so với tổng sản lượng xăng, dầu tiêu thụ trên thị trường, cụ thể: 60% thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, 40% còn lại thực hiện điều tiết 100% về ngân sách trung ương”. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Thu tiền sử dụng đất, bao gồm tiền chậm nộp:

a) Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% để chi đầu tư phát triển.

b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành): Ngân sách trung ương hưởng 100%.

c) Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

d) Đối tiền sử dụng đất nộp tương đương với giá trị quỹ đất 20% thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định: “Đối với các trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại có quy mô dưới 10 ha, chủ đầu tư dự án đã được chấp thuận thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp bằng tiền trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chủ đầu tư chưa nộp tiền thì chủ đầu tư thực hiện nộp tiền tương đương với giá trị tiền sử dụng đất của phần 20% diện tích đất ở của dự án đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật tính theo quy định pháp luật về đất đai tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận cho phép chủ đầu tư được thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp bằng tiền”. Trường hợp trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền chậm nộp thực hiện theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm

2023 của Chính phủ và Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ):

- a) Giấy phép do cơ quan trung ương cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%.
- b) Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Khoản thu thuế tài nguyên và tiền chậm nộp (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

8. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước và tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

Riêng tiền cho thuê đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội): Ngân sách trung ương hưởng 100%.

Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp:

Cơ quan thuế quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Xã, phường quản lý thu: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Riêng tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

10. Thu lệ phí trước bạ: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Riêng lệ phí trước bạ nhà đất (bao gồm tiền chậm nộp): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 50%, ngân sách cấp xã hưởng 50%

11. Các loại phí, lệ phí (bao gồm tiền chậm nộp) do cơ quan cấp nào tổ chức thu thì cơ quan đó hưởng 100%. Riêng các trường hợp sau không thực hiện trích theo tỷ lệ trên, cụ thể:

a) Lệ phí môn bài: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

b) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

c) Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

13. Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

14. Thu khác ngân sách:

a) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; phạt, tịch thu khác: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

b) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

c) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

d) Các khoản thu còn lại: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100% (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng theo quy định).

15. Các khoản thu sự nghiệp; thu kết dư; thu chuyển nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng) thuộc ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó hưởng 100%.

16. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (do cấp xã là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)

17. Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết; thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách các quy định tại Nghị quyết này khác với các Văn bản quy phạm pháp luật, các Văn bản của cơ quan quản lý cấp

trên thì thực hiện theo các quy định đó hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, kỳ họp thứ 29 thông qua ngày tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo